

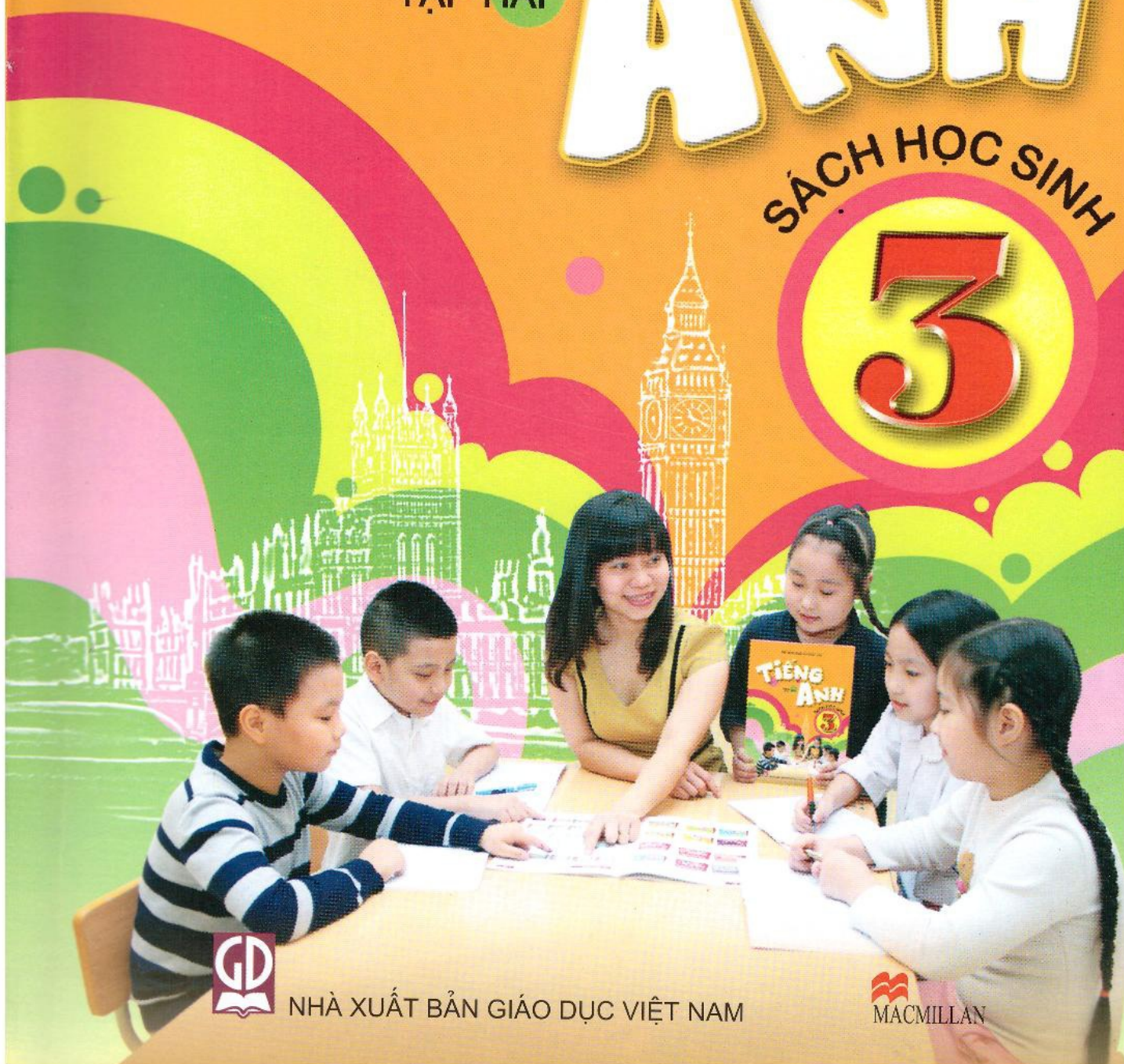
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG ANH

TẬP HAI

SÁCH HỌC SINH

3



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



MACMILLAN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên)
Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc,
Trương Thị Ngọc Minh, Nguyễn Quốc Tuấn
Với sự cộng tác của Ken Wilson

TIẾNG ANH

SÁCH HỌC SINH

3

TẬP HAI

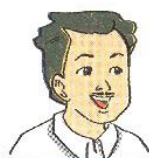
(Sách có kèm CD - Tái bản lần thứ ba có chỉnh lí)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



MACMILLAN



Mr Binh



Mrs Binh



Nam



Hoa



Mr Thanh



Mrs Lan



Mai



Phong



Mr Brown



Mrs Brown



Peter



Linda



Mr Green



Mrs Green



Tom



Mary



Nga



Quan



Tony



Linh



Miss Hien



Mr Loc

Lời nói đầu

Tiếng Anh 3, Tập Hai do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo Chương trình thí điểm Tiếng Anh tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với sự hợp tác chặt chẽ về chuyên môn và kỹ thuật của Nhà xuất bản **Macmillan (MPC)**. Sách được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, giúp học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó ưu tiên phát triển hai kỹ năng nghe và nói.

Tiếng Anh 3, Tập Hai xoay quanh hai chủ điểm giao tiếp gần gũi với học sinh: *Me and My Family*, *Me and the World Around*. Mỗi chủ điểm được chia thành năm đơn vị bài học (Unit) tương ứng với năm chủ đề của chương trình. Sau năm đơn vị bài học là một bài ôn (Review) tập trung vào các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ cơ bản (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp).

Tiếng Anh 3, Tập Hai được biên soạn dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc dạy và học tiếng Anh tiểu học ở Việt Nam, có tính đến tâm lý lứa tuổi và giao lưu quốc tế.

Các tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà giáo, phụ huynh học sinh và đông đảo bạn đọc quan tâm để sách được hoàn thiện hơn.

Các tác giả

BOOK MAP

ME AND MY FAMILY

Unit 11 This is my family

Page 6

Competences

- Identifying family members
- Talking about the ages of family members

Sentence Patterns

Who's that?
He's/She's my ...
How old is your ...?
He's/She's ...

Vocabulary

family, father, mother, grandmother, grandfather, brother, sister, photo, man, woman

Phonics

brother
grandmother

Unit 12 This is my house

Page 12

Competences

- Identifying rooms in the house
- Asking and answering questions about house facilities

Sentence Patterns

There's a ...
It's very nice!
Is there a ...?
Yes, there is./
No, there isn't.

Vocabulary

living room, kitchen, bathroom, bedroom, dining room, garden, pond, yard, tree, gate, fence, over there

Phonics

kitchen
bathroom

Unit 13 Where's my book?

Page 18

Competences

- Asking and answering questions about the location of things in the house (singular)
- Asking and answering questions about the location of things in the house (plural)

Sentence Patterns

Where's the ...?
It's here/there.
Where are the ...?
They're ...

Vocabulary

poster, bed, chair, picture, coat, ball, where, near, under, behind, on

Phonics

chair
where

Unit 14 Are there any posters in the room?

Page 24

Competences

- Asking and answering questions about things in the room
- Asking and answering questions about quantity of things

Sentence Patterns

Are there any ... in the room?
Yes, there are./
No, there aren't.
How many ... are there?
There are ...

Vocabulary

map, sofa, wardrobe, fan, cupboard, door, mirror, window, cup, count, how many ...?

Phonics

fan
cup

Unit 15 Do you have any toys?

Page 30

Competences

- Identifying toys
- Asking and answering questions about toys

Sentence Patterns

Do you have ...?
Yes, I do./ No, I don't.
Does he/she have ...?
Yes, he does./
No, he doesn't.

Vocabulary

doll, teddy bear, car, robot, ball, puzzle, yo-yo, ship, plane, kite, have, has

Phonics

plane
ship

Review 3

Page 36

ME AND THE WORLD AROUND

Unit 16 Do you have any pets?

Page 40

Competences

- Asking and answering questions about pets
- Asking and answering questions about the location of pets

Sentence Patterns

Do you have any ...?
Yes, I do. I have .../
No, I don't. I have ...
Where are the cats?
They're ...

Vocabulary

dog, cat, goldfish,
parrot, rabbit, next to,
in front of

Phonics

dog
parrot

Unit 17 What toys do you like?

Page 46

Competences

- Asking and answering questions about toys
- Asking and answering questions about quantity

Sentence Patterns

What toys do you like?
I like ...
How many ... do you have?
I have ...

Vocabulary

ship, truck, kite, plane

Phonics

kite
ship

Unit 18 What are you doing?

Page 52

Competences

- Asking and answering questions about one's action in progress
- Asking and answering questions about someone's action in progress

Sentence Patterns

What are you doing?
I'm ...
What's he/she doing?
He's/She's ...

Vocabulary

read, cook, watch TV,
sing, dance, skate,
draw a picture, play
the piano, listen to
music

Phonics

reading
drawing

Unit 19 They're in the park

Page 58

Competences

- Asking and answering questions about activities in the park
- Asking and answering questions about the weather in different places

Sentence Patterns

What are they doing?
They're ...
What's the weather like?
It's ...

Vocabulary

cycle, skate, skip,
park, sunny, rainy,
cloudy, windy, stormy,
snowy, weather

Phonics

rainy
skate

Unit 20 Where's Sa Pa?

Page 64

Competences

- Asking and answering questions about places
- Asking and answering questions about distance

Sentence Patterns

Where's ...?
It's in north Viet Nam.
Is near Ha Noi?
Yes, .../No, ...

Vocabulary

Ha Long Bay, north,
south, central, city,
near, far

Phonics

far
north

Review 4

Page 70

Glossary

Page 74

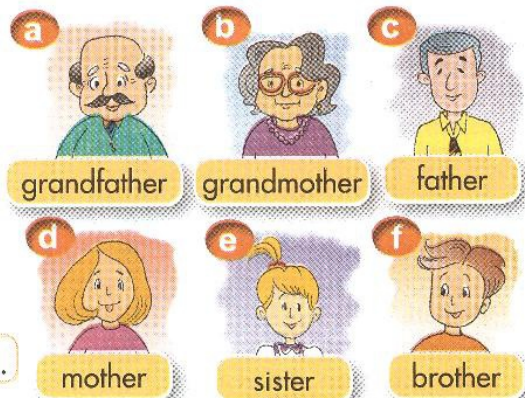


Lesson 1

1 Look, listen and repeat.   



2 Point and say.  



3 Let's talk. 





4 Listen and tick.



1.



a

☐


b

☐


c

☐

2.



a

☐


b

☐


c

☐

3.



a

☐


b

☐


c

☐

5 Read and complete.



1. This is a photo of Mai's family.

2. The man is her _____.

3. The woman is her _____.

4. And the boy is her _____.

6 Let's sing.



A happy family

Happy, happy, happy father.
Happy, happy, happy mother.
Happy, happy, happy children.
Happy, happy, happy family.

Yes, yes, yes, yes!
We are a happy family!
Yes, yes, yes, yes!
We are a happy family!

Lesson 2

1 Look, listen and repeat.

a That's my brother.



How old is your brother?

He's seven.

b That's my grandmother.



She's sixty-five.

How old is she?

2 Point and say.

How old is your ____?



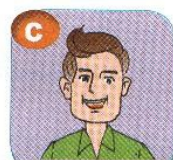
He's/She's ____.



grandfather
68



grandmother
65



father
42



mother
41



brother
13



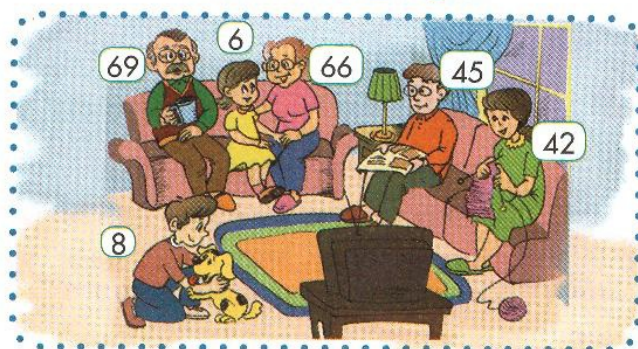
sister
10

3 Let's talk.

How old is your ____?



Nam's family



4 Listen and number.



a



b



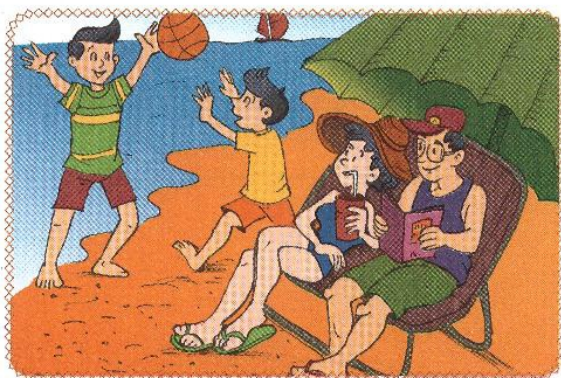
c



d

5 Read and complete.

Hi! My name is Quan. I am ten years old. That is a picture of my family. My father is forty-four years old. My mother is thirty-nine years old. My brother is fourteen years old.



	Age
Quan	10
His father	
His mother	
His brother	

6 Write about your family.

1. How old are you?

I am _____.

2. How old is your mother?

She is _____.

3. How old is your father?

He is _____.

4. How old is your brother/sister?

_____.

Lesson 3

1 Listen and repeat.

br

brother

That's my brother.

gr

grandmother

My grandmother's fifty-five years old.

2 Listen and write.

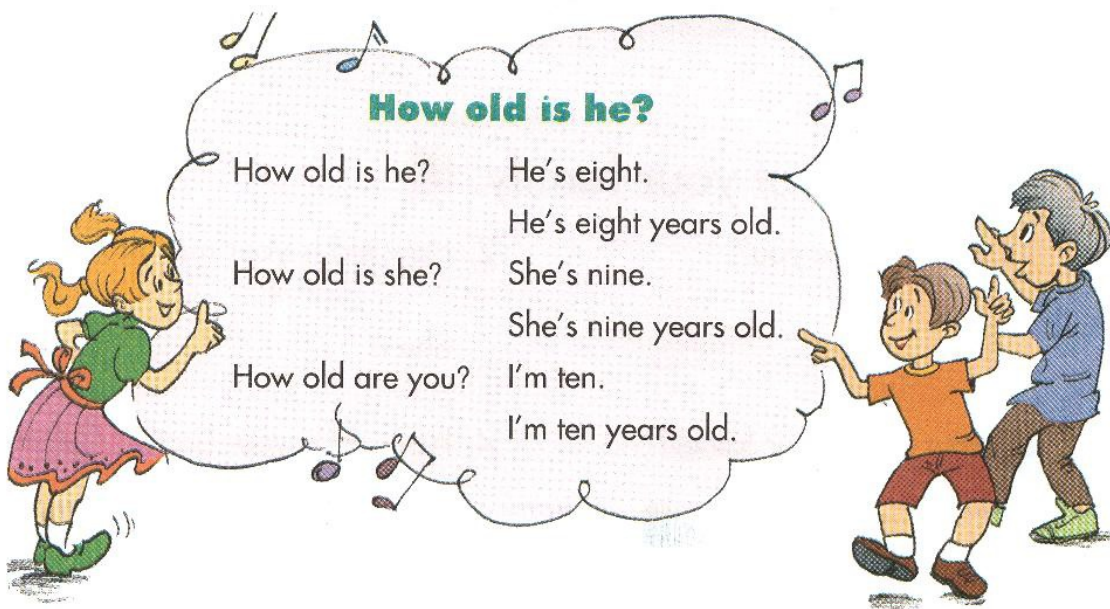


1. My _____ is fifteen.

2. My _____ is fifty-three years old.



3 Let's chant.



How old is he?

How old is he? He's eight.
He's eight years old.
How old is she? She's nine.
She's nine years old.
How old are you? I'm ten.
I'm ten years old.

4 Read and match.

1 Who's that?

2 How old are you?

3 How old is your father?

4 How old is your mother?

a I'm ten.

b He's fifty.

c She's forty-five.

d It's my mother.

5 Look, read and write.



This is a photo of my (1) _____.

Look at the man. He is my (2) _____.

He is forty-four years old. The woman next to him

is my (3) _____. She is thirty-nine

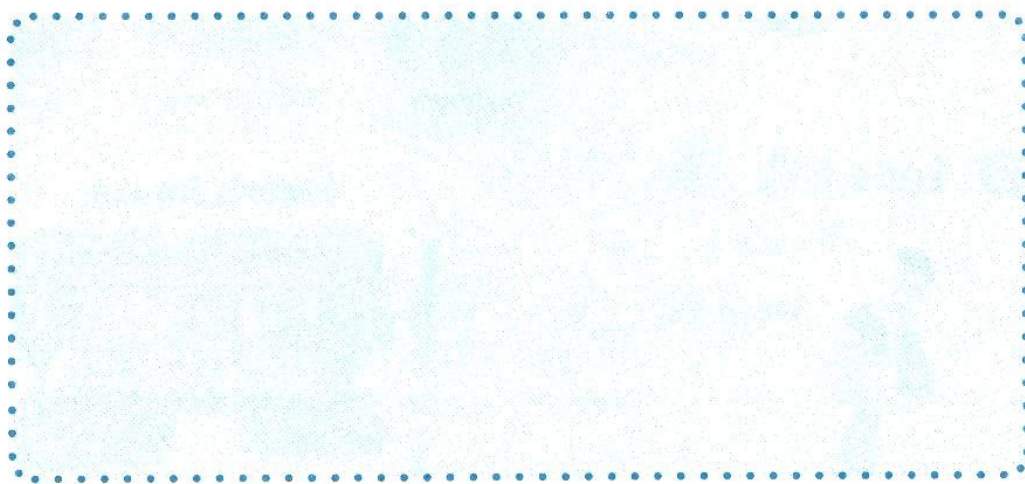
years old. The boy is my (4) _____. He is fourteen years

old. And the little girl is my (5) _____. She is five years old.

Can you find me and guess how old I am?

6 Project

Draw your family. Tell your classmates about it.



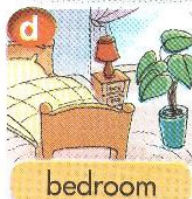
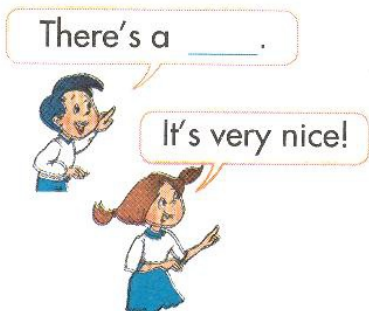


Lesson 1

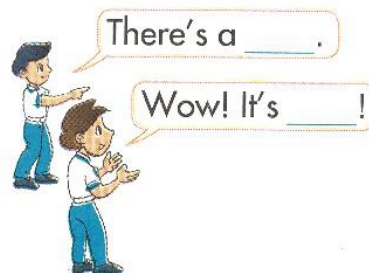
1 Look, listen and repeat.   



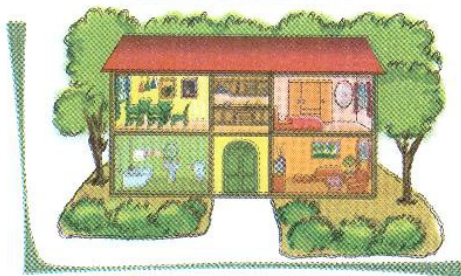
2 Point and say.  



3 Let's talk. 



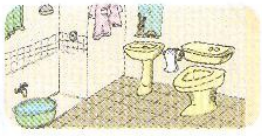
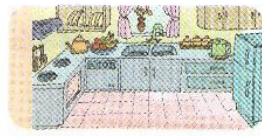
Nam's house



4 Listen and tick.

- | | | | |
|--|----------------------------|--|----------------------------|
| 1.  | a ☐ |  | b ☐ |
| 2.  | a ☐ |  | b ☐ |
| 3.  | a ☐ |  | b ☐ |

5 Look and write.

- | | | |
|---|---|---|
|  |  |  |
| 1. This is _____. | 2. There is _____. | 3. There is _____. |
|  |  |  |
| 4. There is _____. | 5. There is _____. | 6. There is _____. |

6 Let's sing.

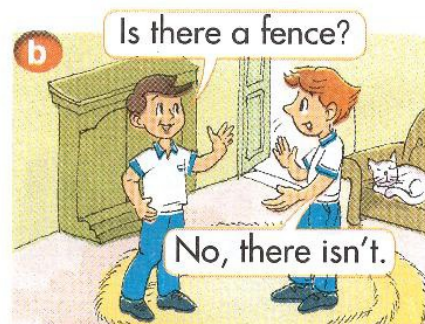
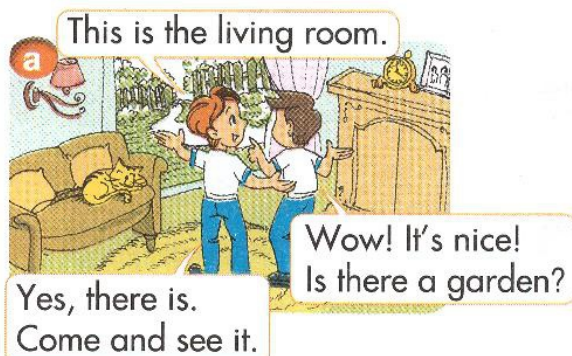


The way I clean my house

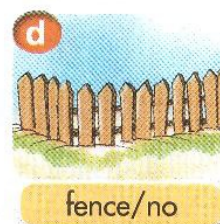
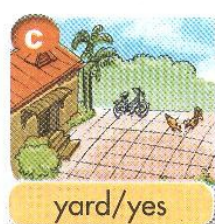
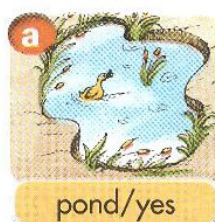
This is the way I clean my house,
Clean my house, clean my house.
This is the way I clean my house
So early in the morning!
This is the way I clean my room,
Clean my room, clean my room.
This is the way I clean my room
So early in the morning.

Lesson 2

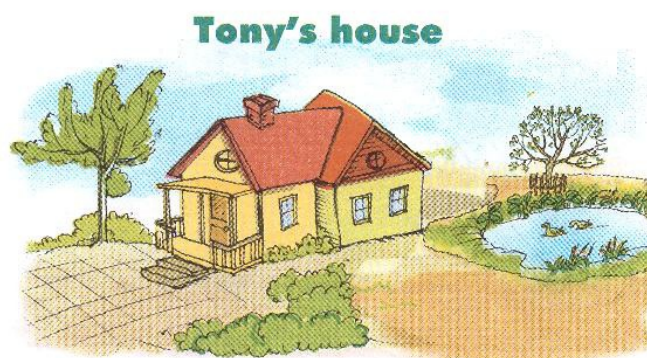
1 Look, listen and repeat.



2 Point and say.



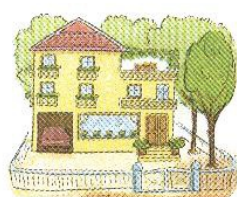
3 Let's talk.



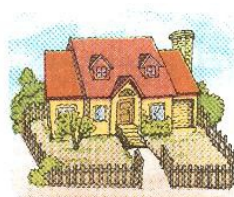
4 Listen and number.



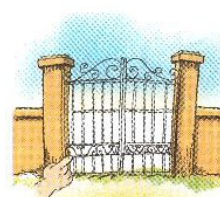
a



b



c



d

5 Read and complete.



Hi! My name is Phong.



pond tree house beautiful

Hi! My name is Phong. This is my (1) _____. There is not any fence around my house. There is not a yard, but there is a garden in front of the house. It is (2) _____. There is a (3) _____ and a (4) _____ in the garden.

6 Write about your house.

	Yes, there is./No, there isn't.
1. Is there a garden?	_____.
2. Is there a fence?	_____.
3. Is there a yard?	_____.
4. Is there a pond?	_____.
5. Is there a tree?	_____.

Lesson 3

1 Listen and repeat.

ch

kitchen

This is the kitchen.

th

bathroom

Is there a bathroom?

2 Listen and write.



1. The _____ is large.

2. Is there a _____ ?



3 Let's chant.

Is there a garden?

Is there a garden behind the house?

Yes, there is. Yes, there is.

Is there a yard behind the house?

Yes, there is. Yes, there is.

Is there a gate behind the house?

No, there isn't. No, there isn't.

Is there a pond behind the house?

No, there isn't. No, there isn't.



4 Read and write.

Hi. My name is Mai. This is my (1) _____.

It is large. The gate of the house is blue. There is a (2) _____ in front of the house.

There is a (3) _____ in the garden.

You can see the (4) _____ room in the house. It is quite big.



5 Read again and write the answers.

1. Is Mai's house small? _____.

2. What colour is the gate? _____.

3. Is there a garden? _____.

4. Is there a pond in the garden? _____.

5. Is there a yard? _____.

6 Project

Draw and colour your house.
Write the names of the rooms in the house.



Unit 13 Where's my book?



Lesson 1

1 Look, listen and repeat.

a Where's my book, Mum?
I can't see it in my room!



It's here, dear.
On the chair.

b Is the pen there too, Mum?



No, it's not on the chair.
It's there, on the table.

2 Point and say.

Where's the _____?



It's here/there.



3 Let's talk.

Where's the _____?

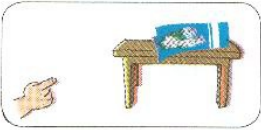
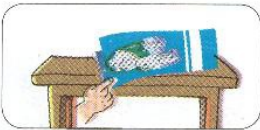
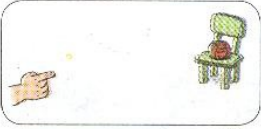
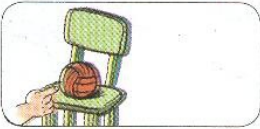
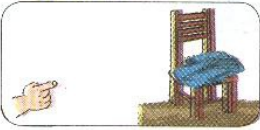


It's here/there.



where's = where is

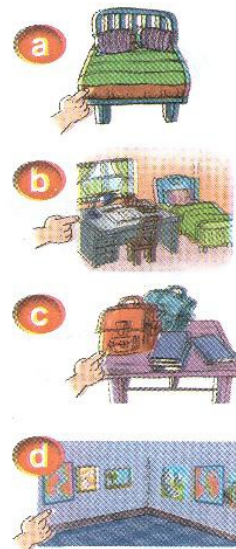
4 Listen and tick.

- | | | | | |
|----|---|----------------------------|--|----------------------------|
| 1. |  | a ☐ |  | b ☐ |
| 2. |  | a ☐ |  | b ☐ |
| 3. |  | a ☐ |  | b ☐ |

5 Read and complete.

here there

- This is my bed.
It is _____.
- This is my desk.
It is _____, next to the bed.
- These are my school bags and books.
They are _____, on the desk.
- Those are posters, pictures and maps.
They are _____, on the wall.



6 Let's sing.

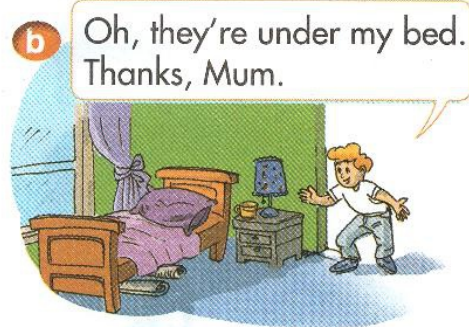
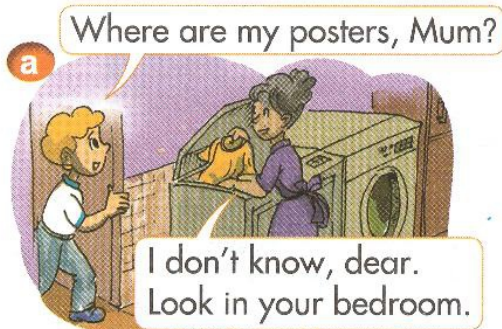
The poster and the ball

The poster's on the wall.	The ball's under the bed.
The poster's on the wall.	The ball's under the bed.
E-I-E-I-O.	E-I-E-I-O.
The poster's on the wall.	The ball's under the bed.

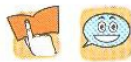


Lesson 2

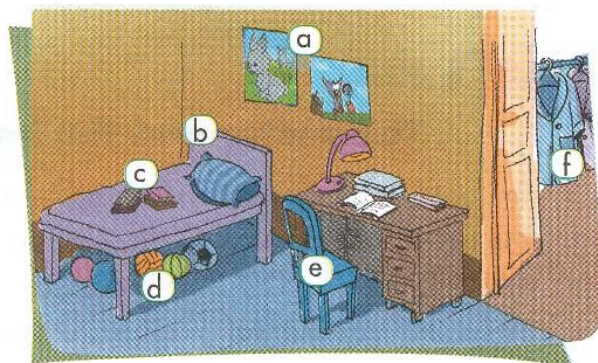
1 Look, listen and repeat.



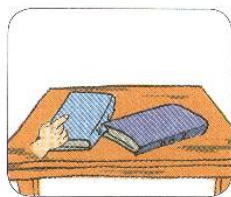
2 Point and say.



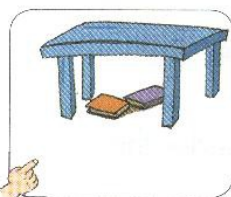
3 Let's talk.



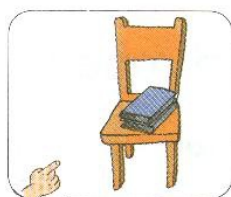
4 Listen and number.



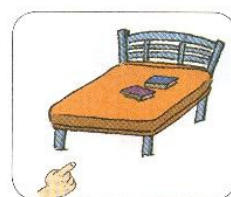
a



b



c



d

5 Read and complete.



Hello! My name is Phong. Here is a picture of my room. This is my bed. My coat is on the bed. There are three balls under the bed. There are two chairs near the desk. There are four books and a photo on the desk. There are three posters on the wall.

1. Where is Phong's coat? It is _____.
2. Where are the balls? They are _____.
3. Where are the chairs? They are _____.
4. Where are the books and Phong's photo? They are _____.
5. Where are the posters? They are _____.

6 Write about your bedroom.

There is _____,
_____, and _____.

There are _____,
_____, and _____.

Lesson 3

1 Listen and repeat.

ch

chair

It's under the chair.

wh

where

Where's the ball?

2 Listen and write.



1. _____ the book?

2. The book is on the _____.



3 Let's chant.

Where's the book?

Where's the book?

Here! Here!

It's here!

Where's the ball?

There! There!

It's under the chair.

Where are the posters?

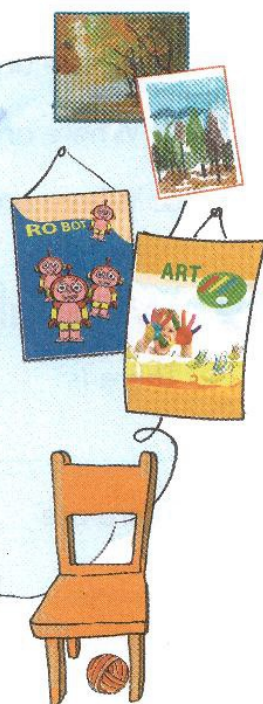
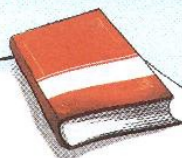
On the wall. On the wall.

They're on the wall.

Where are the pictures?

On the wall. On the wall.

They're on the wall.



4 Read and tick.

This is my room. There is a table and there are two chairs. There is a poster on the wall. There is a ball under the table. There are three books on the table.



5 Read and write.

You: Look! This is a picture of my bedroom.

Your friend: It's nice. Tell me about the things in your room.

You: OK. Well, there's a _____ and two _____.

Your friend: What about books and posters?

You: _____.

6 Project

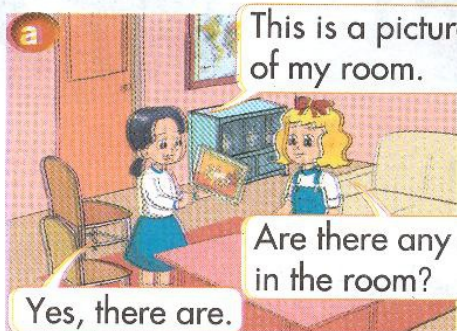
Draw your bedroom and describe it to your classmates.





Lesson 1

1 Look, listen and repeat.

a  This is a picture of my room.
Are there any chairs in the room?
Yes, there are.

b  Are there any posters in the room?
No, there aren't.

2 Point and say.

Are there any _____ in the room?

Yes, there are.

No, there aren't.

a  maps/yes

b  sofas/yes

c  wardrobes/no

d  cupboards/no

3 Let's talk.

Are there any _____?

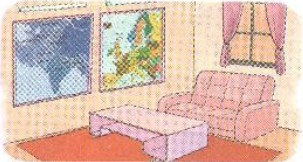
Yes, _____.

No, _____.

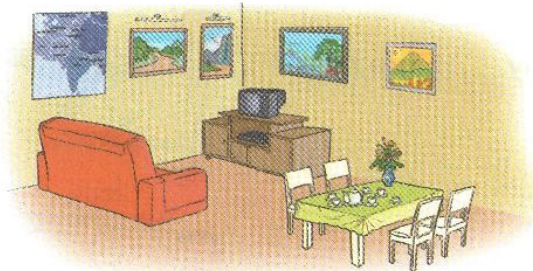


there aren't = there are not

4 Listen and tick.

1.		a ☐		b ☐
2.		a ☐		b ☐

5 Look, read and write.



1. This is a living room.
2. There is a TV on the _____ in the room.
3. There are four pictures and a big _____ on the wall.
4. There are four _____ near the table.

6 Let's write.

1. Are there any wardrobes in your bedroom? _____.
2. Are there any sofas in your living room? _____.
3. Are there any cupboards in your dining room? _____.
4. Are there any pictures or maps in your bedroom? _____.

Lesson 2

1 Look, listen and repeat.



a How many chairs are there?



Let's count them. One, two, three, ... There are eight.

b And how many cups are there?



There are six.

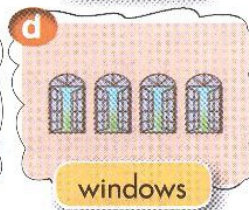
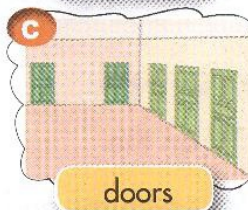
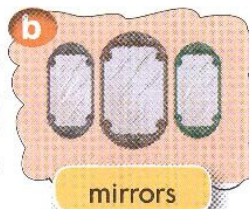
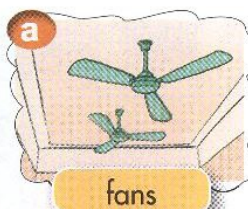
2 Point and say.



How many ____ are there?



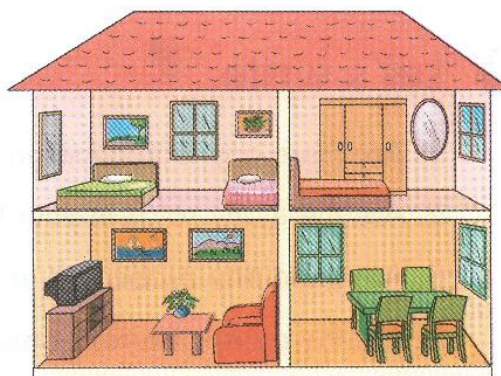
There are ____.



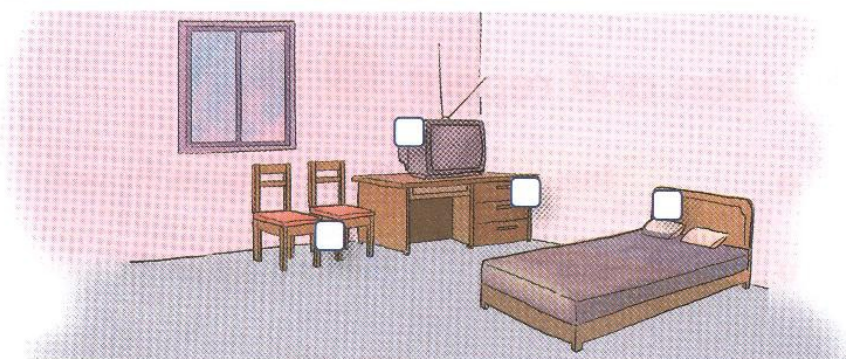
3 Let's talk.



How many ____?



4 Listen and number. 🎧 🎧



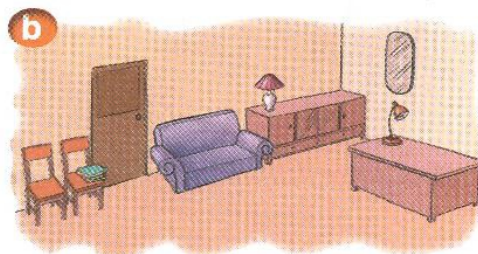
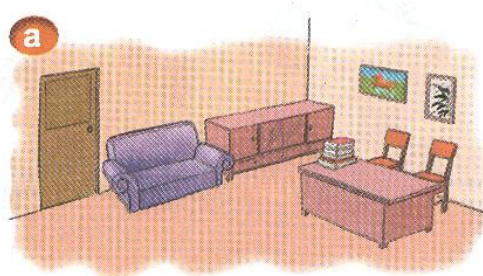
5 Read and write. 🧐 🧐

This is my living room. There are many things in the room. There are two windows and one door. There are a sofa, a desk and eight chairs. There is a lamp on the desk and a TV on the cupboard. There are four pictures and two fans on the walls.

1. How many doors are there in the living room? _____.
2. How many windows are there? _____.
3. How many chairs are there? _____.
4. How many pictures are there? _____.
5. How many fans are there? _____.

6 Let's play. 🧑🧑🧑

Spot the differences.



Lesson 3

1 Listen and repeat.

a

fan

There's a fan on the wall.

u

cup

There's a cup on the table.

2 Listen and write.



1. Where's the _____?

2. Where's the _____?



3 Let's chant.

How many desks?

How many, how many,

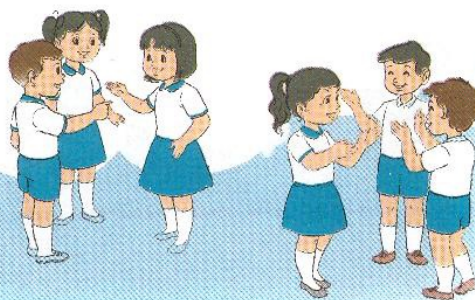
How many desks are there? One, one, there's one.

How many, how many,

How many maps are there? Two, two, there are two.

How many, how many,

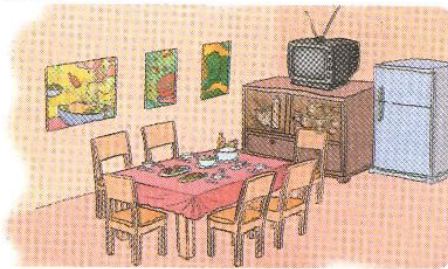
How many lamps are there? Three, three, there are three.



4 Read and circle.

1. (*Is / Are*) there any cupboards in the living room?
2. There (*is / are*) one wardrobe in the bedroom.
3. How many (*lamp / lamps*) are there on the cupboard?
4. There are four (*chair / chairs*) next to the desk.
5. There are two posters (*on / in*) the wall.

5 Read and write.



This (1) _____ a dining room. It is large. There is a table and there are six (2) _____ in the room. There is a (3) _____ on the cupboard. There are three (4) _____ on the wall.

6 Project

Interview your friends and complete the table.

How many tables are there in your house?

There are two.



Name	Doors	Windows	Tables	Chairs	Cupboards	Wardrobes
Nam			2			
You						

Unit 15 Do you have any toys?



Lesson 1

1 Look, listen and repeat.



a

What's that?

It's my robot.
Do you have a robot?

No, I don't.

b

Do you have a teddy bear?

Yes, I do.

2 Point and say.



Do you have ____?

Yes, I do.

No, I don't.

a		b	
a doll/yes		a car/yes	
c		d	
a robot/no		a puzzle/no	

3 Let's talk.



Do you have a ____?

Yes, ____.

No, ____.

4 Listen and number.



a



b



c



d

5 Read and write.



My toys

These are my toys on the shelf. I have a

(1) _____. It is red. I have a

(2) _____. It is blue. And I have

a pretty (3) _____. It is Lucy. I like

my toys very much. (4) _____ you

have any toys? What are (5) _____ ?

6 Let's write.

1. Do you have a doll/car/teddy bear?

2. What colours are your toys?

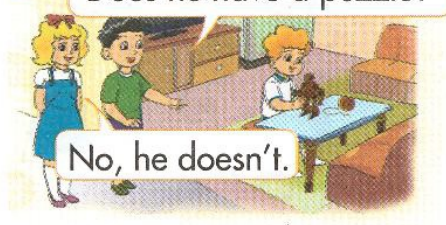
3. Where is your doll/car/teddy bear?

Lesson 2

1 Look, listen and repeat.

a Does your brother have a robot?

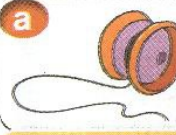
 Yes, he does.

b Does he have a puzzle?

 No, he doesn't.

2 Point and say.

Does he/she have ____?
 Yes, he/she does.

 No, he/she doesn't.

a 
 a yo-yo/yes

b 
 a ship/yes

c 
 a plane/no

d 
 a kite/no

3 Let's talk.

Does he/she have ____?
 Yes, ____.
 No, ____.


4 Listen and tick.



True False

a. ☐ ☐

b. ☐ ☐

c. ☐ ☐

d. ☐ ☐

5 Read and write.

I am Phong. Peter, Mai, Nam, and Linda are my friends. We have a lot of toys. Peter has a robot and a ball. Mai has a teddy bear and a doll. Nam has a car and a plane. Linda has a yo-yo and a puzzle. I have a plane and a ship.



1. What does Peter have?

He has a _____.

2. What does Mai have?

She _____.

3. Does Nam have a car and a plane?

_____.

4. What does Linda have?

_____.

5. Does Phong have a kite?

_____.

6 Let's sing.

Linda has a little doll



Linda has a little doll,
Little doll, little doll.
Linda has a little doll.
Its dress is white and brown.



Everywhere that Linda goes,
Linda goes, Linda goes.
Everywhere that Linda goes,
That doll is sure to go.

Lesson 3

1 Listen and repeat.

pl

plane

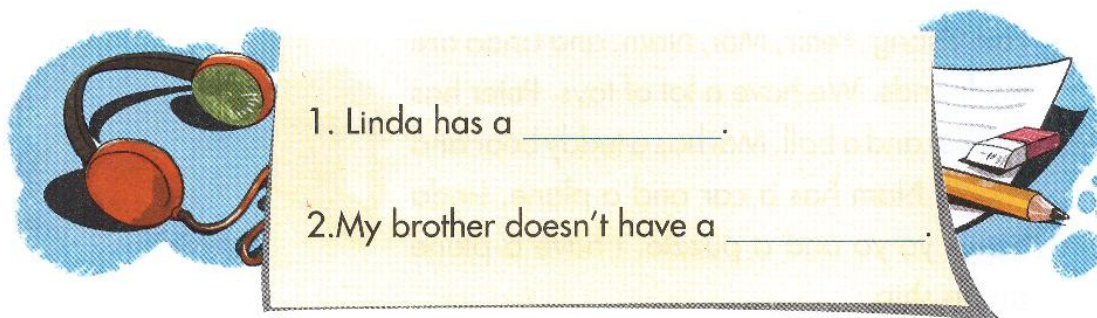
She has a plane.

sh

ship

Do you have a ship?

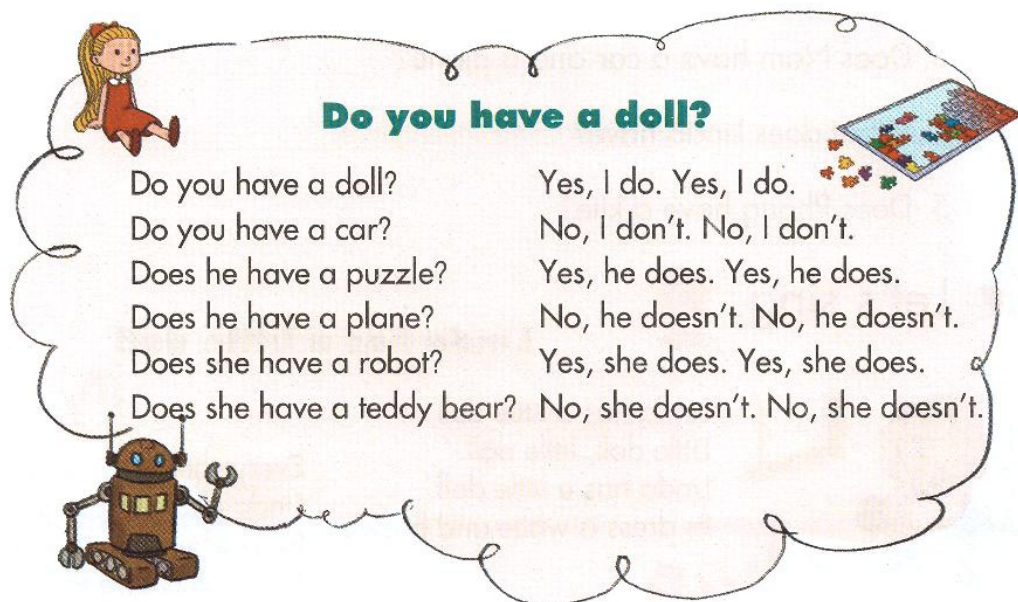
2 Listen and write.



1. Linda has a _____.

2. My brother doesn't have a _____.

3 Let's chant.



Do you have a doll?

Do you have a doll?	Yes, I do. Yes, I do.
Do you have a car?	No, I don't. No, I don't.
Does he have a puzzle?	Yes, he does. Yes, he does.
Does he have a plane?	No, he doesn't. No, he doesn't.
Does she have a robot?	Yes, she does. Yes, she does.
Does she have a teddy bear?	No, she doesn't. No, she doesn't.

4 Read and complete.

ship green toys two orange

My brother has some (1) _____. He has
three robots. They are (2) _____, black and
red. He has (3) _____ cars. They are
blue and brown. He has a (4) _____
It is (5) _____.



5 Write about you.

1. Do you have any toys? _____.
2. I have a _____, a _____ and a _____.
3. Does your friend have any toys? _____.
4. She/He has a _____, a _____ and a _____.

6 Project

Make a paper toy.

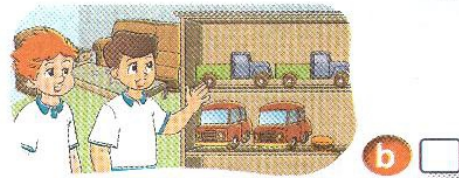
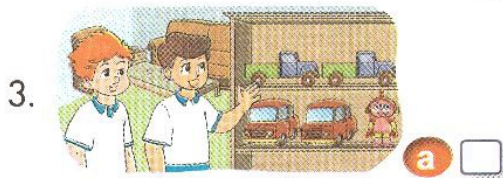
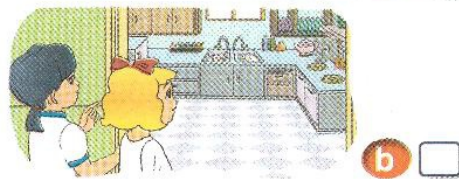
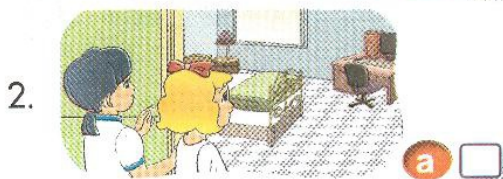
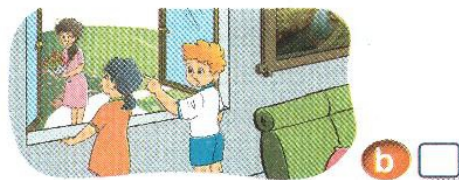
Do you have a _____?

_____.

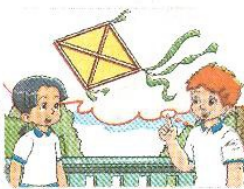


Review 3

1 Listen and tick.



2 Listen and number.



3 Read and complete.

small bedrooms there they house bathroom

This is my (1) house. It is big. There is a living room, a kitchen, three (2) _____ and a garden. There is a (3) _____ inside each bedroom. This is my bedroom. It's (4) _____. There is a bed, a desk, a chair, and a bookcase. (5) _____ is a big poster on the wall. Look! I have three balls. (6) _____ are under the bed.

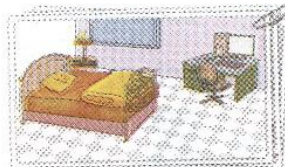
4 Read and match.

- | | |
|---|----------------------|
| 1 How old is your father? | a Yes, I do. |
| 2 Do you have any toys? | b Yes, there is. |
| 3 Who's that? | c He's thirty-seven. |
| 4 Is there a balcony in your classroom? | d It's my sister. |

5 Look and say.



1. Who are they?



2. What room is it?



3. Are there any sofas/tables/chairs/pictures?

How many are there?



4. Where's the chair/school bag?
Where are the balls/books/posters?

Short story

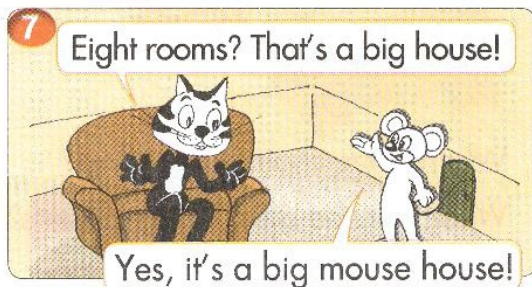
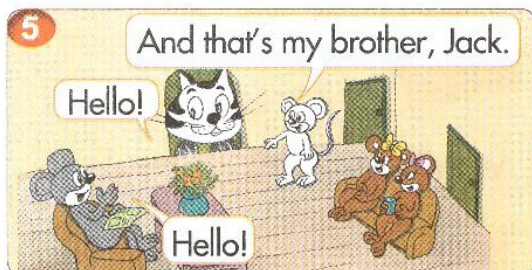
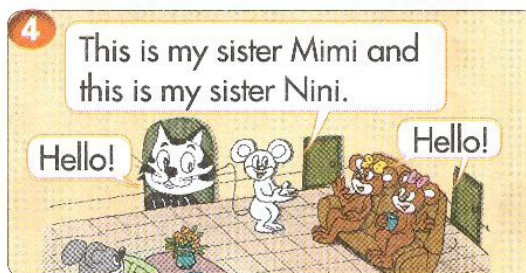
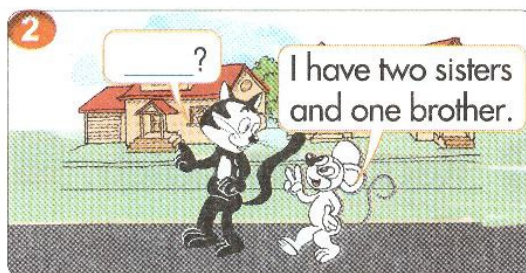
Cat and Mouse 3

1 Read the story. Put these lines in the correct bubbles.

Then listen and check.



- How many rooms are there in your house?
- How many brothers and sisters do you have?
- Where are they?
- Who is Mimi?



2 Correct the answers.

1. How many sisters does Chit have?

He has one sister. *No, he* ____.

2. How many brothers does he have?

He has two brothers. _____.

3. What's the name of Chit's brother?

John. _____.

4. How many rooms are there in the mouse house?

There are six. _____.

3 Unscramble these words from the conversation.

a. erstis sister

b. rothbre _____

c. eshou _____

d. sorom _____

e. lohel _____

f. usemo _____

4 Complete the conversation between Miu and Mimi.

Miu: Hello, my (1) _____ Miu. What (2) _____ that?

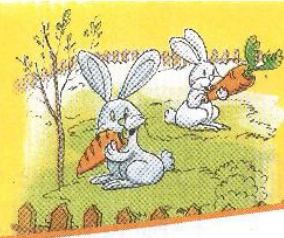
Mimi: My (3) _____ Mimi.

Miu: Nice (4) _____, Mimi.

Mimi: (5) _____ too, Miu.

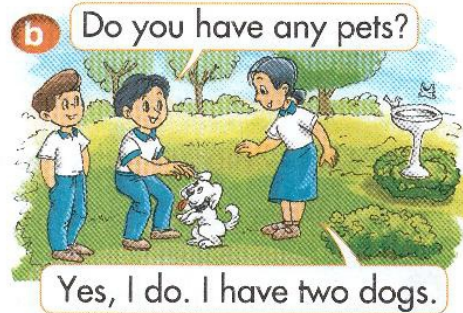
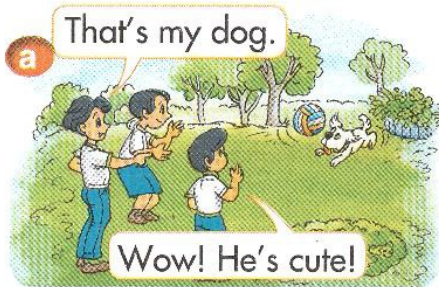
Unit 16

Do you have any pets?



Lesson 1

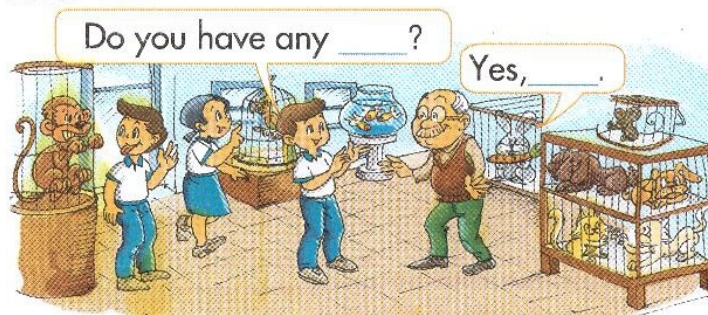
1 Look, listen and repeat.   



2 Point and say.  



3 Let's talk. 



 a goldfish → two goldfish

4 Listen and tick.

1.



a

☐


b

☐

2.



a

☐


b

☐

3.



a

☐


b

☐

5 Look and write.

I have a lot of pets. I have one (1) _____
and three (2) _____. I have four
(3) _____ in the cage and five
(4) _____ in the fish tank. Do you have a pet?



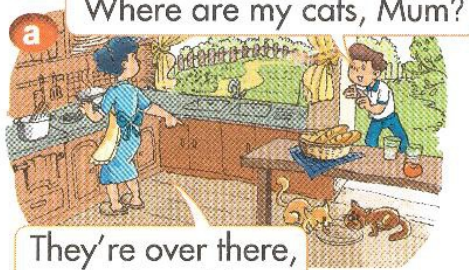
6 Let's write.

1. What pets do you have? _____.
2. Where are your pets? _____.

Lesson 2

1 Look, listen and repeat.

a Where are my cats, Mum?



They're over there, under the table.

b Is the dog there with the cats, Mum?



No. He's in the garden. Look! He's there.

2 Point and say.

Where are the cats?



They're ____.

a



next to/flower pot

b



under/table

c



behind/TV

d



in front of/fish tank

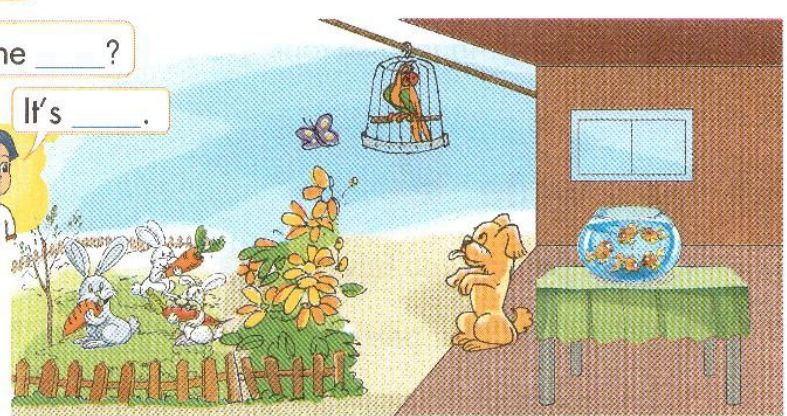
3 Let's talk.

Where is/are the ____?



It's ____.

They're ____.



4 Listen and number.



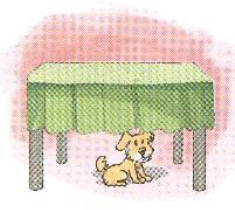
a



b



c



d

5 Read and write.

Hi! My name is Nam. I have a lot of pets. This is my cat. It is on the bed. And that is my dog. It is there, under the table. I also have two parrots and a rabbit. They are all in the garden.

1. Nam has a lot of _____.
2. He has a _____. It is _____ the bed.
3. He has a _____. It is _____ the table.
4. He has two _____ and a _____. They are in the _____.

6 Let's sing.

Do you have any pets?

Do you have any pets?
Yes, I do.
I have a rabbit and its name is Boo.
Do you have any pets?
Yes, I do.
I have a goldfish and its name is Blue.
Do you have any pets?
Yes, I do.
I have a parrot and its name is Sue.



I have a rabbit. He has a goldfish.
She has a parrot. What about you?
I have a rabbit. He has a goldfish.
She has a parrot. What about you?

Lesson 3

1 Listen and repeat.

o **dog**

Where is your **dog**?

o **parrot**

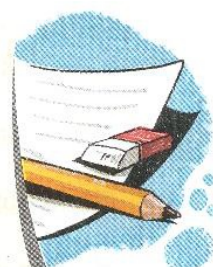
My **parrot** is in the garden.

2 Listen and write.



1. Peter has a _____.

2. Nam has a _____.



3 Let's chant.



Do you have any cats?

Do you have any cats?	Yes, I do. Yes, I do.
Do you have any dogs?	Yes, I do. Yes, I do.
Do you have any birds?	Yes, I do. Yes, I do.
Do you have any rabbits?	No, I don't have any.
Do you have any parrots?	No, I don't have any.
Do you have any goldfish?	No, I don't have any.

4 Read and match.

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1 Do you have any pets? | a It's in the garden, on the tree over there. |
| 2 Do you have any goldfish? | b They're in the yard. |
| 3 Where's your cat? | c Yes, I do. I have two dogs and a cat. |
| 4 Where are your dogs? | d No, I don't. |

5 Read and write.



Hi! My name is Mai. I am eight years old. I have a dog, two goldfish and two parrots. This is my dog. It is at the door. These are my goldfish. They are in the fish tank. And those are my parrots. They are in the cage. I love my pets very much.

- | | |
|-----------------------------|-----------------|
| 1. How old is Mai? | She is _____. |
| 2. Does she have any pets? | Yes, _____. |
| 3. What pets does she have? | She has _____. |
| 4. Where is her dog? | It is _____. |
| 5. Where are her goldfish? | They are _____. |

6 Project

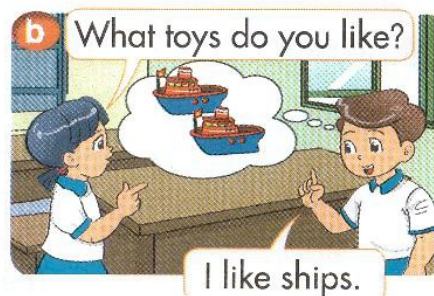
Draw a picture of your pet and tell your class about it.



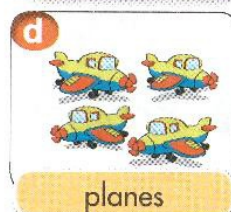
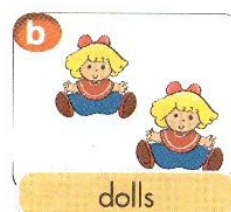
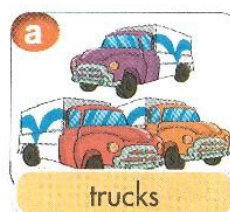
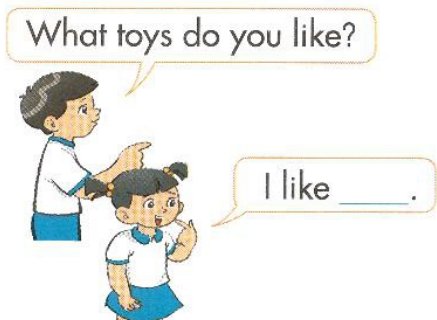


Lesson 1

1 Look, listen and repeat.   



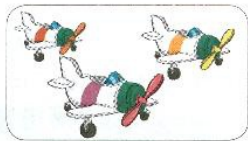
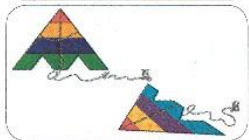
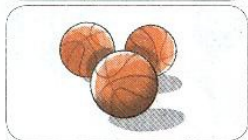
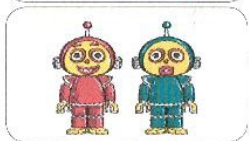
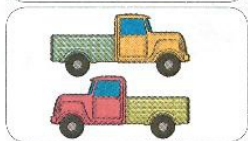
2 Point and say.  



3 Let's talk. 



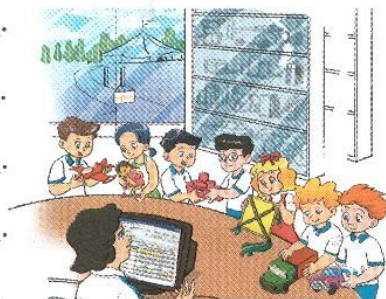
4 Listen and tick.

- | | | | | |
|----|---|----------------------------|--|----------------------------|
| 1. |  | a ☐ |  | b ☐ |
| 2. |  | a ☐ |  | b ☐ |
| 3. |  | a ☐ |  | b ☐ |

5 Read and write.

Hi. My name is Nam. I am in the playroom with my friends. I like planes. Mai likes dolls. Quan and Phong like ships. Linda likes kites. Peter and Tony like trucks. We have a lot of fun in the playroom.

- The children are in the _____.
- Nam likes _____.
- Mai likes _____.
- Quan and Phong like _____.
- Linda likes _____.
- Peter and Tony like _____.

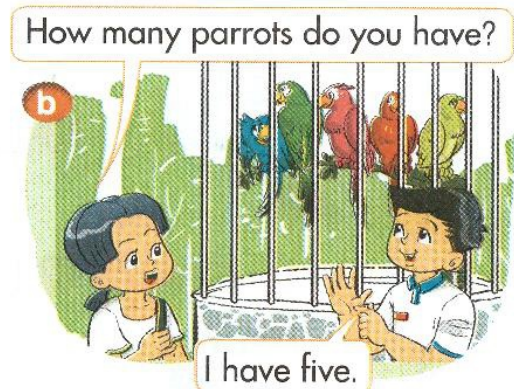
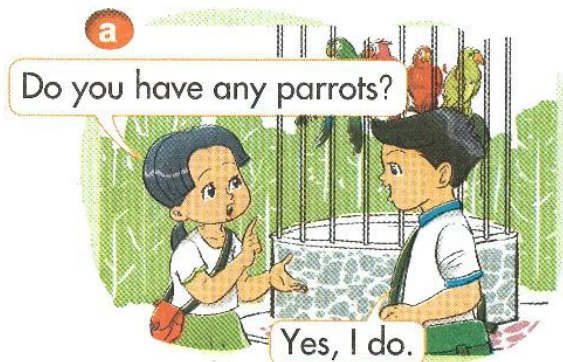


6 Let's write.

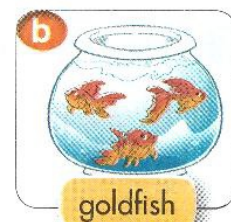
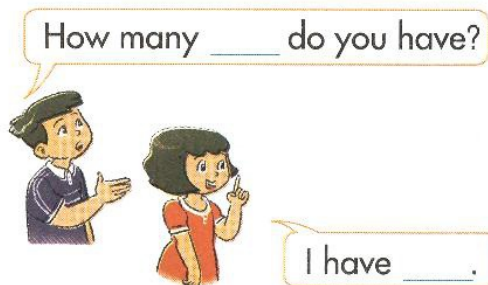
- What toys do you have? _____.
- Do you like trucks/ships/kites/planes? _____.
- Where do you keep your toys? _____.

Lesson 2

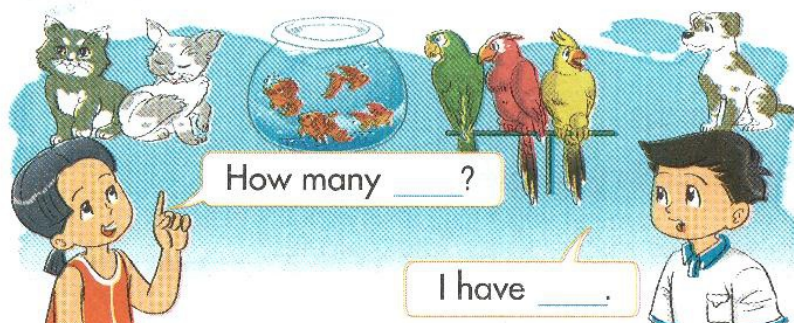
1 Look, listen and repeat. 🧐 🎧 🗣️



2 Point and say. 📖 🗣️



3 Let's talk. 🗣️



4 Listen and number.



a



b



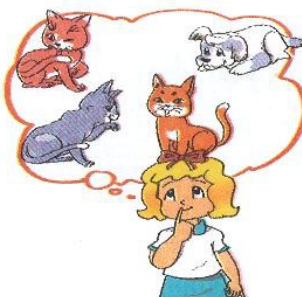
c



d

5 Read and complete.

Nam, Linda and Mai like pets. They have different pets. Nam has two dogs and three parrots. Linda has three cats and one dog. Mai has four goldfish.



1. Nam has two _____ and three _____.

2. Linda has three _____ and one _____.

3. Mai has four _____.

6 Let's write.

1. Do you like pets? _____.

2. What pets do you have? _____.

3. How many _____ do you have? _____.

Lesson 3

1 Listen and repeat.

i-e

kite

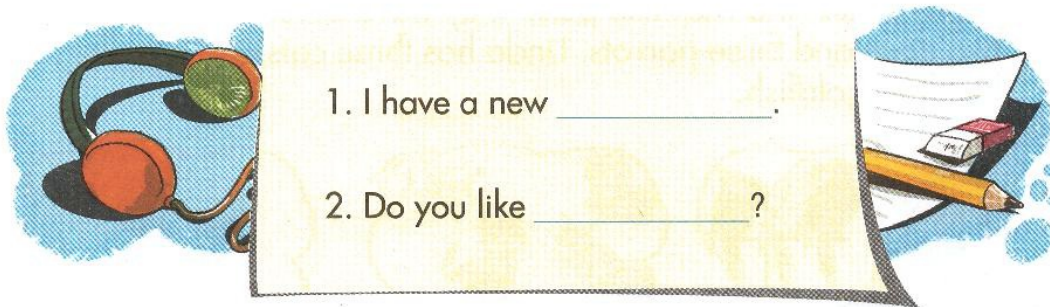
This is my kite.

i

ship

I like ships.

2 Listen and write.



1. I have a new _____.

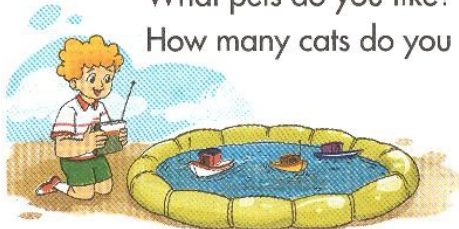
2. Do you like _____?

3 Let's chant.

Do you like toys?

Do you like toys?
Do you like trucks?
What toys do you like?
How many ships do you have?
Do you like pets?
Do you like dogs?
What pets do you like?
How many cats do you have?

Yes, I do. Yes, I do.
No, I don't. No, I don't.
I like ships. I like ships.
I have four. I have four.
Yes, I do. Yes, I do.
No, I don't. No, I don't.
I like cats. I like cats.
I have two. I have two.



4 Read and match.

- 1 Do you like toys?
- 2 What toys do you like?
- 3 What pets do you like?
- 4 How many cats do you have?

- a Robots.
- b Nine.
- c Yes, I do.
- d Cats.

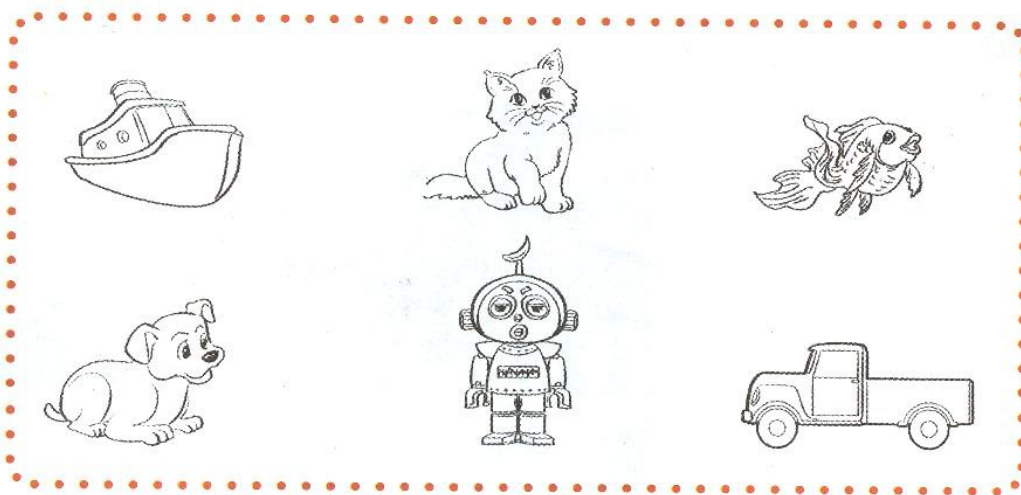
5 Read and complete.

like has trucks How ten cats

I have many toys. I have five (1) _____, three planes, and (2) _____ yo-yos. My friend Mary has some pets. She (3) _____ two dogs and three (4) _____. What about you? What toys do you (5) _____? (6) _____ many pets do you have?

6 Project

Draw and colour your toys or pets.
Talk to your classmates about them.





Lesson 1

1 Look, listen and repeat.



2 Point and say.



What are you doing?

I'm _____.



3 Let's talk.



What are you doing?



read + ing = reading

4 Listen and tick.



5 Read and write.

Today Mai's family is at home. Mai's father is in the living room. He is reading. Mai's brother is listening to music. Mai and her mother are in the kitchen. They are cooking.

What are they doing?

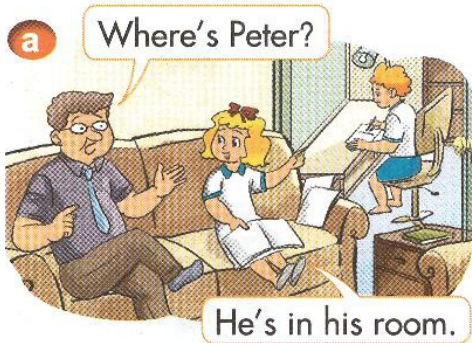
1. Mai's father is _____.
2. Her brother _____.
3. Mai and her mother _____.

6 Let's write.

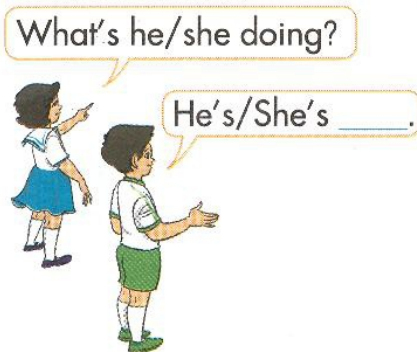
1. What are you doing? _____.
2. What is your father doing? _____.
3. What is your mother doing? _____.

Lesson 2

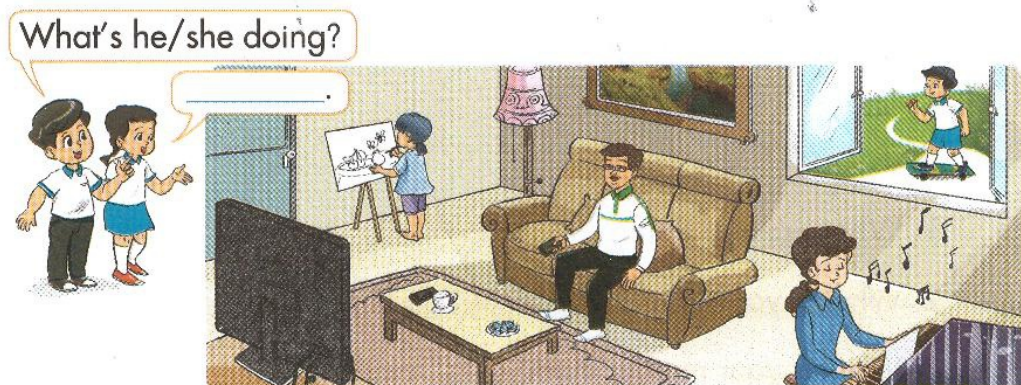
1 Look, listen and repeat.



2 Point and say.



3 Let's talk.



4 Listen and number.



a ☐



b ☐



c ☐



d ☐

5 Read and match.

1 What are you doing?

a He's watching TV.

2 What's Mai doing?

b I'm playing the piano.

3 What's Peter doing?

c They're skating.

4 What are Tony and Linda doing?

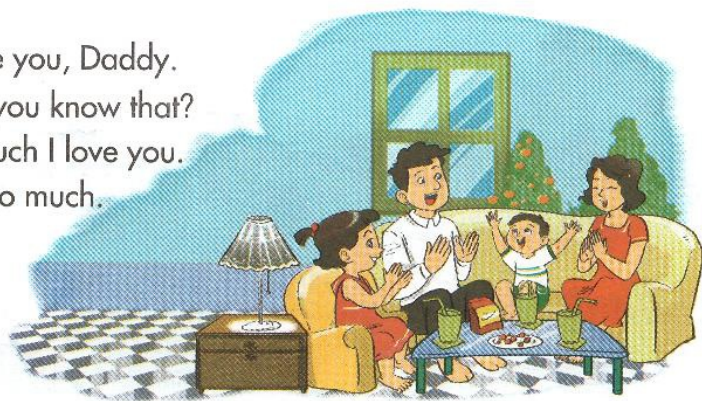
d She's cooking.

6 Let's sing.

I love my parents

I love you, Mummy. I love you, Mummy.
I love you so much. Do you know that?
You never know how much I love you.
Oh, Mummy! I love you so much.

I love you, Daddy. I love you, Daddy.
I love you so much. Do you know that?
You never know how much I love you.
Oh, Daddy! I love you so much.



Lesson 3

1 Listen and repeat.

ea

reading

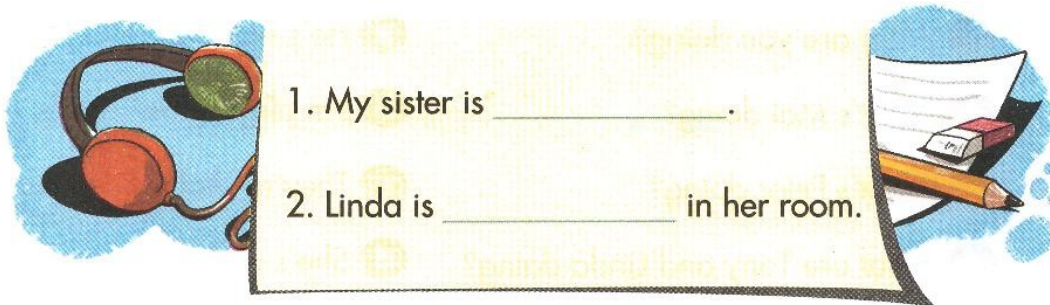
He's **reading**.

aw

drawing

She's **drawing** a picture.

2 Listen and write.



1. My sister is _____.

2. Linda is _____ in her room.

3 Let's chant.

What are you doing?

What are you doing?

I'm drawing. I'm drawing.

What is she doing?

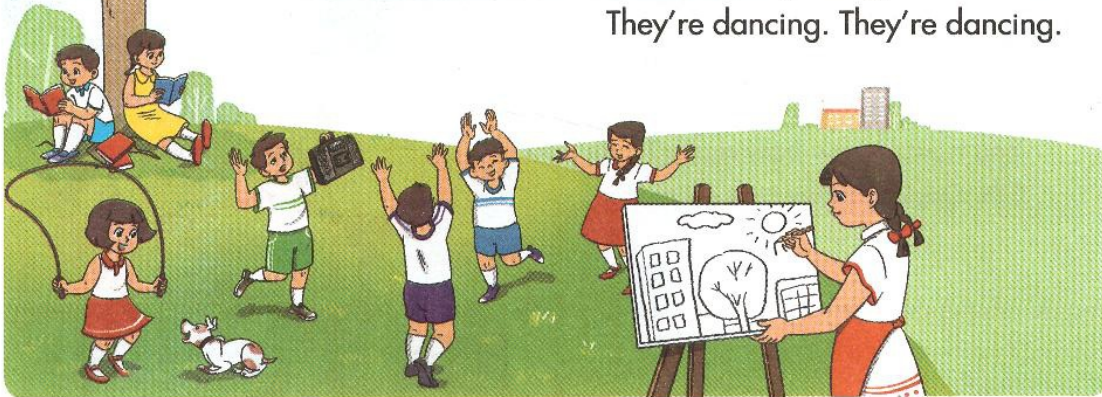
She's singing. She's singing.

What is he doing?

He's reading. He's reading.

What are they doing?

They're dancing. They're dancing.



4 Read and complete.

watching is listening playing in

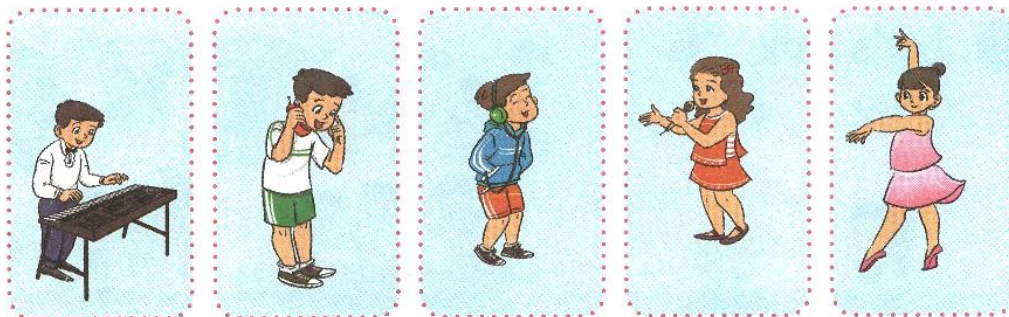
My name is Quan. Today my family (1) _____ at home. We are
(2) _____ the living room. My father is (3) _____ TV.
My mother is (4) _____ the piano. My brother is (5) _____
to music and I am singing.

5 Let's write.

1. Where is Quan's family? _____.
2. What is his father doing now? _____.
3. What is his mother doing now? _____.
4. What is his brother doing now? _____.
5. What is Quan doing now? _____.

6 Project

Tell your classmates what they are doing.

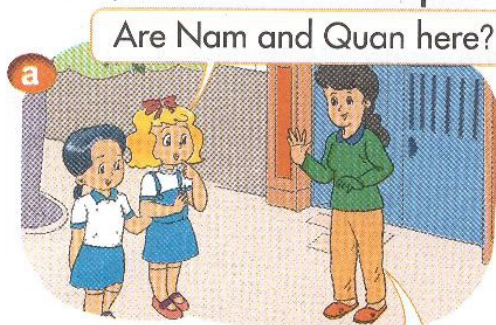


Unit 19 They're in the park



Lesson 1

1 Look, listen and repeat.



No, they aren't. They're in the park.



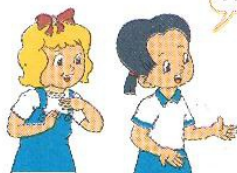
They're skating.

2 Point and say.



What are they doing?

They're _____.



3 Let's talk.



What _____ they _____?



cycle + ing = cycling
skip + ing = skipping

4 Listen and tick.



1.

a

☐


b

☐


2.

a

☐


b

☐

5 Read and write.



My name is Phong. Today I am in the park with my friends. We are doing sports and playing games. Some of the boys and I are playing football. Some of the girls are skipping. My friend Mai is cycling. Nam and Quan are flying kites. We are happy in the park.

1. The children are in _____.

2. Some of the boys are _____.

3. Some of the girls are _____.

4. Mai is _____.

5. Nam and Quan are _____.

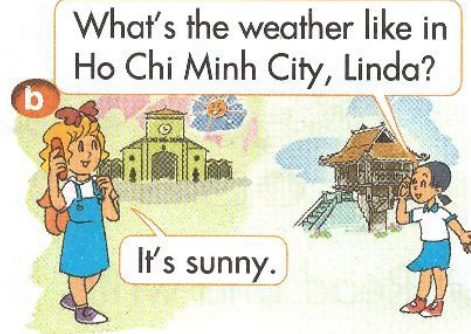
6 Let's write.

1. Where are you now? _____.

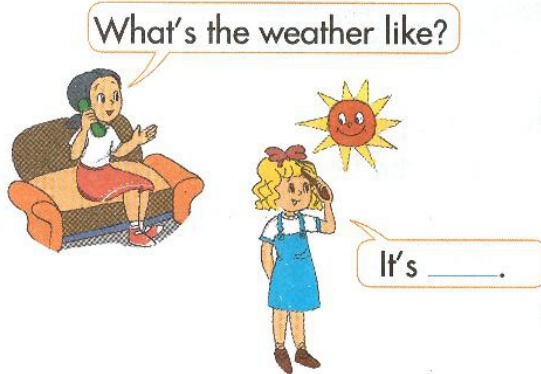
2. What are you doing? _____.

Lesson 2

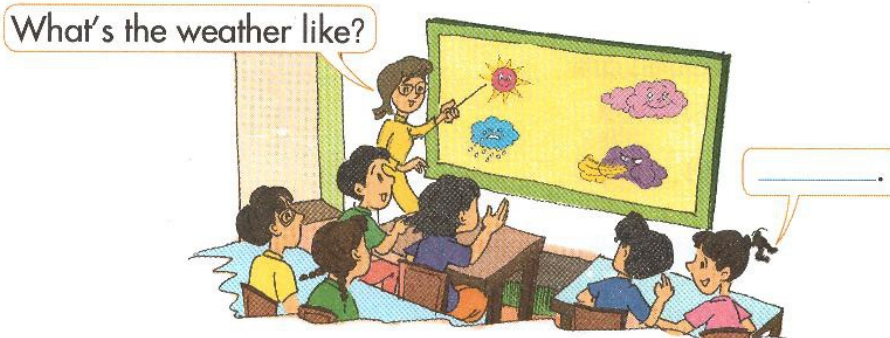
1 Look, listen and repeat.



2 Point and say.



3 Let's talk.



4 Listen and number.



a



b



c



d

5 Look, read and write.

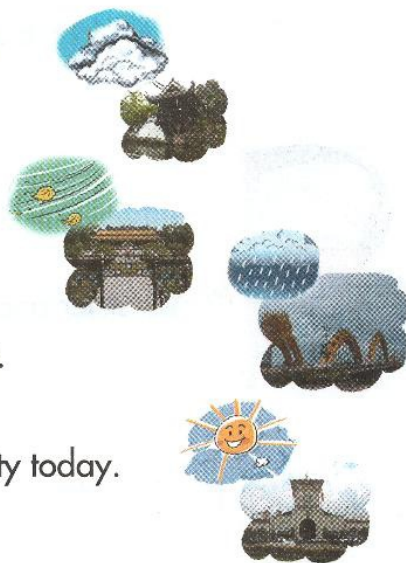
What's the weather like?

1. It is _____ in Ha Noi today.

2. It is _____ in Hue today.

3. It is _____ in Da Nang today.

4. It is _____ in Ho Chi Minh City today.



6 Let's sing.

The weather song

What is the weather like?
What is the weather like?
It is sunny and windy
In my hometown.
What is the weather like?
What is the weather like?
It is cloudy and rainy
In my hometown.



Lesson 3

1 Listen and repeat.

ai

rainy

It's rainy today.

a-e

skate

I often skate in the park.

2 Listen and write.

1. I like _____ days.

2. My sister and I _____ in the playground.

3 Let's chant.

Where are you?

Where are you?

In the park. In the park.

What's the weather like?

It's sunny. It's sunny.

What are you doing?

I'm cycling. I'm cycling.

What are your friends doing?

They're skating. They're skating.

What are your friends doing?

They're skipping. They're skipping.



4 Read and match.

- | | |
|----------------------------|------------------------------------|
| 1 Where are you? | a She's skipping. |
| 2 What are you doing? | b It's sunny and windy. |
| 3 What's the weather like? | c I'm in the park with my friends. |
| 4 What is Nam doing? | d We're skating. |
| 5 What is Mai doing? | e He's cycling. |

5 Read and complete.

skating playing weather flying park

The (1) _____ is fine today. It is sunny and windy. We are in the (2) _____. Mai and Linda are (3) _____ kites. Nam, Phong and Tony are (4) _____ football. Peter and Quan are (5) _____. We are happy in the park.

6 Project

Draw and colour a weather icon for tomorrow's weather in your place.
Present them to your class



Unit 20

Where's Sa Pa?



Lesson 1

1 Look, listen and repeat.



a Where's Sa Pa, Mai?

It's in north Viet Nam.

b This is a photo of Sa Pa.

Oh! It's very beautiful.

2 Point and say.



Where's _____?

It's in _____ Viet Nam.



Ha Noi/north



Ha Long Bay/north



Hue/central



Ho Chi Minh City/south

3 Let's talk.

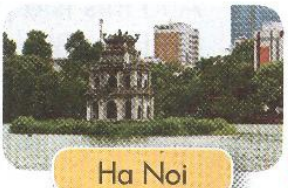
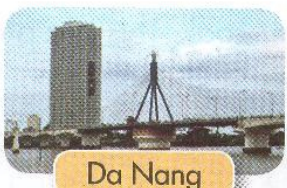
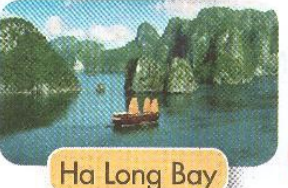
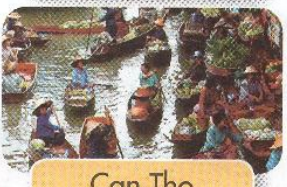


Where is _____?

It's in _____.



4 Listen and tick.

- | | | | | |
|----|--|----------------------------|--|----------------------------|
| 1. | 
Ha Noi | a ☐ | 
Da Nang | b ☐ |
| 2. | 
Ha Long Bay | a ☐ | 
Ho Chi Minh City | b ☐ |
| 3. | 
Hue | a ☐ | 
Can Tho | b ☐ |

5 Look and write.



- | | | |
|----------------------------------|-------------------|-----------------------|
| 1. This is <u>Ha Long Bay</u> . | 2. This is _____. | 3. And this is _____. |
| It is in <u>north Viet Nam</u> . | It is in _____. | It is in _____. |

6 Let's write.

- Where is your family? My family is in _____.
- Where is your city? _____.
- Do you like your place (city/town/village)? _____.

Lesson 2

1 Look, listen and repeat.



a Look. This is a photo of Hai Duong.

Is Hai Duong near Ha Noi?

Yes, it is.

b And this is a photo of Ha Long Bay.

Is Ha Long Bay near Ha Noi?

No, it isn't. It's far from Ha Noi.

2 Point and say.



Is _____ near Hue?

Yes, _____.

No, _____. It's far from Hue.



Ha Long Bay/
no



Da Nang/
yes



Ho Chi Minh City/
no



Quang Tri/
yes

3 Let's talk.



Is _____ near Ho Chi Minh City?



Dong Nai



Hue



Can Tho

4 Listen and number.



a ☐



b ☐



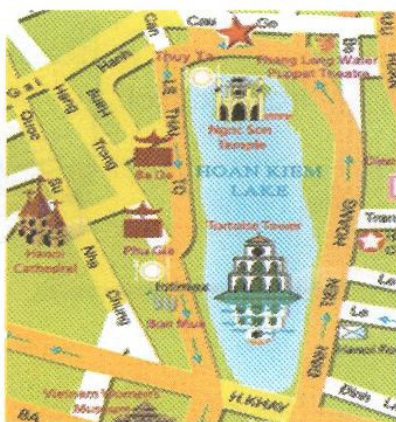
c ☐



d ☐

5 Read and complete.

far theatre near name



Hi! My (1) _____ is Nam. I am in Ha Noi now. I am at Thang Long Water Puppet Theatre. It is (2) _____ Hoan Kiem Lake. Ngoc Son Temple is near the (3) _____. The museum is not near the theatre. It is (4) _____ from the theatre.

6 Let's play.

Card game



Lesson 3

1 Listen and repeat.

ar

far

Can Tho is far from Ho Chi Minh City.

or

north

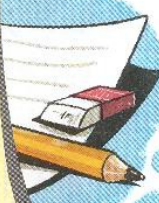
Sa Pa is in north Viet Nam.

2 Listen and write.



1. Ha Long Bay is _____ from Ha Noi.

2. Is Ha Noi in _____ Viet Nam?



3 Let's chant.

Where's Ba Vi?

Where's Ba Vi?

It's in north Viet Nam.

Is it near Ha Noi?

Yes, it is. Yes, it is.

Where's Da Nang?

It's in central Viet Nam.

Is it near Hue?

Yes, it is. Yes, it is.

Where's Can Tho?

It's in south Viet Nam.

Is it near Ho Chi Minh City?

No, it isn't. No, it isn't.



4 Read and write.

Hello! My name is A Vung. I am eight years old. My family is in Sa Pa. It is in north Viet Nam. Sa Pa is near Lai Chau but very far from Ha Noi. There are a lot of mountains and trees in my place. How about your place? Where is it in Viet Nam?



1. Where is A Vung's family? _____.

2. How old is he? _____.

3. Where is Sa Pa? _____.

4. Is Sa Pa near Ha Noi? _____.

5 Let's write.

1. Where is your family? _____.

2. Where are they in Viet Nam? In _____.

3. Is your place near Ha Noi? _____.

4. Is your place near Da Nang? _____.

5. Is your place near Ho Chi Minh City? _____.

6 Project

Talk about your favourite place.

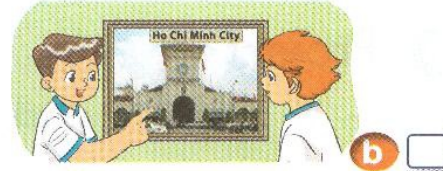
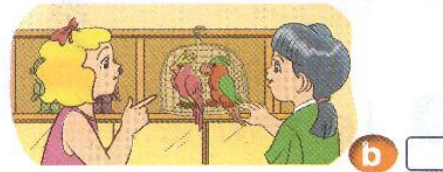
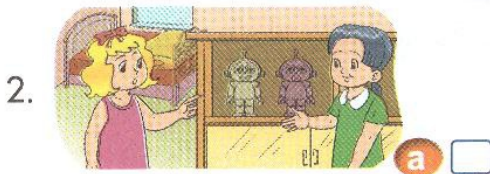
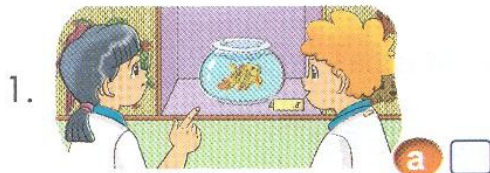


This is _____.
It is in _____.

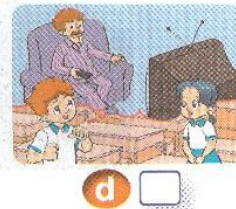


Review 4

1 Listen and tick.



2 Listen and number.



3 Read and complete. 🧐 🧐

near playing watching reading dog living room

My family is in the (1) living room. My father is (2) _____ a book.

My mother and I are (3) _____ TV. My sister is (4) _____ with

her cat (5) _____ the TV. My (6) _____ is under the table.

4 Read and match. 🧐 🧐

- 1 Where's Hue?
- 2 How many toys do you have?
- 3 What's your brother doing?
- 4 Do you have any goldfish?
- 5 What are those on the wall?

- a He's cleaning the floor.
- b Yes, I do.
- c I have three kites, two robots and a ball.
- d A map and a picture.
- e It's in central Viet Nam.

5 Look and say. 🧐 🧐



1. Who are they?
What are they doing?



3. What country is this? Where is Sa Pa/Quang Ninh/Can Tho/Da Nang?

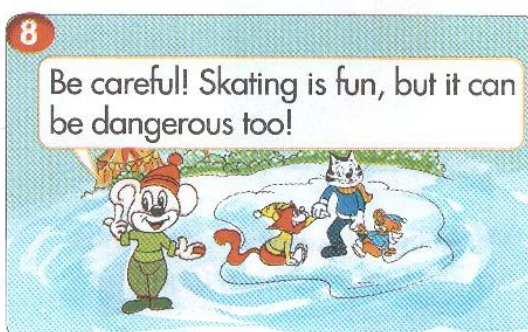
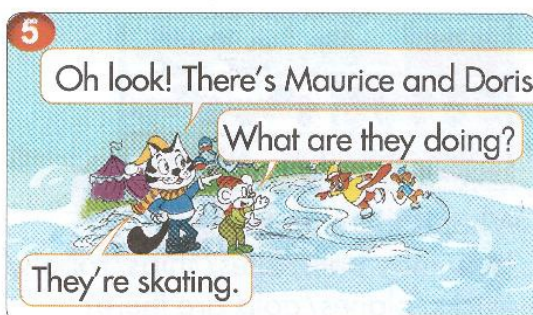
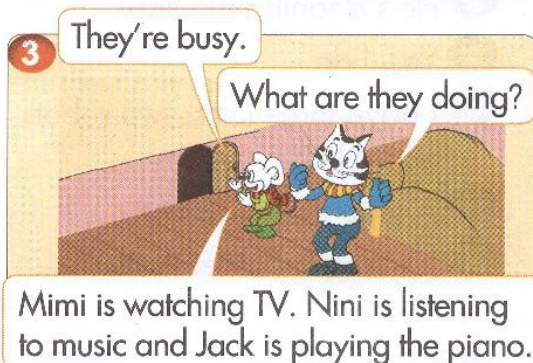
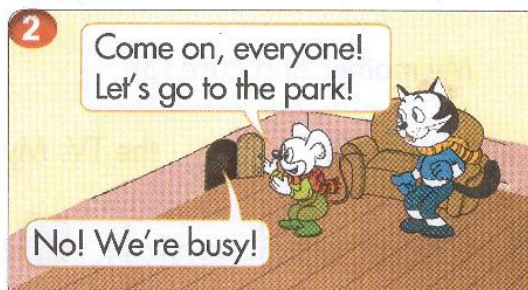


2. What is there on the shelf?
How many balls/kites/ships/robots/trucks/planes/dolls are there?
What toys do you have?



4. Where are the children?
What are they doing?

1 Read and listen to the story.  



2 Put the words in the correct order.

1. for a go walk let's _____.
2. let's a book read _____.
3. doing are they what _____?
4. music is Nini to listening _____.

3 Match the rhyming words.

- 1 cold
- 2 wait
- 3 walk
- 4 play
- 5 hello

- a late
- b know
- c stay
- d old
- e talk

4 Read and write.

Chit: Hello, Doris. How (1) _____?

Doris: I'm (2) _____. Thank you. And you?

Chit: Fine, thanks. Do you (3) _____ skating?

Doris: Yes, (4) _____. Do you?

Chit: No, (5) _____.

GLOSSARY

ball	<i>quả bóng</i>	U13
bathroom	<i>phòng tắm</i>	U12
bay	<i>vịnh</i>	U20
bed	<i>cái giường</i>	U13
bedroom	<i>phòng ngủ</i>	U12
behind	<i>ở đằng sau</i>	U13
brother	<i>anh/em trai</i>	U11
cat	<i>con mèo</i>	U16
cathedral	<i>nhà thờ lớn/chính</i>	U20
central Viet Nam	<i>miền Trung</i>	U20
chair	<i>cái ghế</i>	U13
cloudy	<i>trời mây mù</i>	U19
coat	<i>cái áo khoác</i>	U13
cook	<i>nấu ăn</i>	U18
count	<i>đếm</i>	U14
cup	<i>cái cốc</i>	U14
cupboard	<i>tủ trà</i>	U14
cycle	<i>đi xe đạp</i>	U19
desk	<i>bàn học</i>	U13
different	<i>khác nhau</i>	U17

dining room	<i>phòng ăn</i>	U12
do, does	<i>làm</i>	U15
do homework	<i>làm bài tập về nhà</i>	U18
dog	<i>con chó</i>	U16
doll	<i>búp bê</i>	U15
door	<i>cửa ra vào</i>	U14
draw	<i>vẽ</i>	U18
family	<i>gia đình</i>	U11
fan	<i>cái quạt</i>	U14
far	<i>xa</i>	U20
father	<i>bố/cha</i>	U11
fence	<i>hàng rào</i>	U12
fish tank	<i>bể cá</i>	U16
fly kites	<i>thả diều</i>	U19
garage	<i>ga ra để ô tô</i>	U12
garden	<i>vườn</i>	U12
gate	<i>cổng</i>	U12
goldfish	<i>cá vàng</i>	U16
grandfather	<i>ông</i>	U11
grandmother	<i>bà</i>	U11

great	<i>tuyệt vời</i>	U19
have, has	<i>có</i>	U15
here	<i>ở đây</i>	U13
how many	<i>có bao nhiêu</i>	U14
in	<i>bên trong</i>	U11
in front of	<i>trước</i>	U16
keep	<i>để, giữ</i>	U17
kitchen	<i>phòng bếp</i>	U12
kite	<i>diều</i>	U15
know	<i>biết, hiểu biết</i>	U18
like	<i>thích</i>	U17
listen to music	<i>nghe nhạc</i>	U18
living room	<i>phòng khách</i>	U12
love	<i>yêu thương</i>	U18
man	<i>người đàn ông</i>	U11
map	<i>bản đồ</i>	U14
mirror	<i>gương soi</i>	U14
mother	<i>mẹ/má</i>	U11
mountain	<i>núi</i>	U20
near	<i>ở gần</i>	U13
next to	<i>bên cạnh</i>	U16

north Viet Nam	<i>miền Bắc</i>	U20
on	<i>ở trên</i>	U13
park	<i>công viên</i>	U17
parrot	<i>con vẹt</i>	U16
photo	<i>bức ảnh</i>	U11
picture	<i>bức tranh</i>	U13
plane	<i>máy bay</i>	U15
play the piano	<i>chơi piano</i>	U18
pond	<i>cái ao</i>	U12
poster	<i>tấm áp phích</i>	U13
puzzle	<i>trò chơi ghép hình</i>	U15
rabbit	<i>thỏ</i>	U16
rainy	<i>trời mưa</i>	U19
read	<i>đọc</i>	U18
robot	<i>con rô bốt</i>	U15
ship	<i>tàu thủy</i>	U15
sing	<i>hát</i>	U18
sister	<i>chị/em gái</i>	U11
skate	<i>trượt băng</i>	U18
skating	<i>trò chơi trượt pa tanh</i>	U18
skip	<i>nhảy dây</i>	U18

skipping	<i>dây nhảy</i>	U15
snowy	<i>trời có tuyết</i>	U19
sofa	<i>cái ghế tràng kỷ</i>	U14
so much	<i>rất nhiều</i>	U18
south Viet Nam	<i>miền Nam</i>	U20
stormy	<i>trời bão</i>	U19
sunny	<i>trời nắng</i>	U19
table	<i>cái bàn</i>	U13
teddy bear	<i>gấu bông</i>	U15
temple	<i>đền thờ, miếu thờ</i>	U20
theatre	<i>nhà hát</i>	U20
there	<i>ở kia</i>	U13
toy	<i>đồ chơi</i>	U15
toy car	<i>ô tô đồ chơi</i>	U15
toy room	<i>phòng đồ chơi</i>	U17
train	<i>tàu hỏa</i>	U15
tree	<i>cây</i>	U12
truck	<i>xe tải</i>	U17
under	<i>ở dưới</i>	U13
wall	<i>tường</i>	U13
wardrobe	<i>tủ quần áo</i>	U14

watch TV	<i>xem tivi</i>	U18
water puppet	<i>rối nước</i>	U20
weather	<i>thời tiết</i>	U19
where	<i>ở đâu</i>	U13
window	<i>cửa sổ</i>	U14
windy	<i>trời giông gió</i>	U19
woman	<i>người phụ nữ</i>	U11
yard	<i>sân</i>	U12
yo-yo	<i>yo-yo</i>	U15

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI
Pho Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS. TS VŨ VĂN HÙNG

Biên tập nội dung : LÊ THỊ HUỆ – VŨ THỊ LAI – KEN WILSON– MARY-JANE NEWTON – CAUVIS FUNG

Biên tập mỹ thuật : NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách : PHẠM THỊ HỒNG HẠNH

Trình bày bìa : NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa : NGUYỄN BÍCH LA – ĐẶNG HOÀNG VŨ– NGUYỄN PHƯƠNG DUNG

Sửa bản in : LÊ THỊ HUỆ – VŨ THỊ LAI

Chế bản tại : CTCP MỸ THUẬT & TRUYỀN THÔNG

Sách được biên soạn, biên tập, thiết kế với sự cộng tác của Nhà xuất bản Macmillan (MPC).
Trong sách có sử dụng một số hình ảnh từ Internet.

TIẾNG ANH 3 – SÁCH HỌC SINH – TẬP HAI

Mã số: 1H389T4

Số đăng ký KHXB : 01-2014/CXB/663-1062/GD.

In 30.000 bản (QĐ: 382), khổ 19 x 26.5 cm.

In tại Công ty Cổ phần In & TM Khánh Hòa,
Số 8 Lê Thánh Tôn, Nha Trang, Khánh Hòa.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2014.